**Ma trận đề kiểm tra giữa học kì 2 năm học 2022-2023**

**MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6.**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút (Tỉ lệ 40% trắc nghiệm và 60% tự luận)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng**  **cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **1. Trang phục và thời trang** | ***1.1. Các loại vải thường dùng trong may mặc*** | 2 | 2,25 | **2** | 2,25 | **1** | 9 |  |  | 4 | 1 | 13,5 | **30%** |
| ***1.2. Trang phục*** | **1** | 9 | 4 | 4,5 |  |  |  |  | 4 | 1 | 13,5 | **30%** |
| ***1.3. Thời trang*** | 4 | 4,5 | **1** | **4,5** |  |  |  |  | 4 | 1 | 9 | **20%** |
| ***1.4. Thiết kế thời trang*** | 2 | 2,25 | 2 | 2,25 |  |  | **1** | 4,5 | 4 | 1 | 9 | **20%** |
| **Tổng** | | | **9** | **18** | **9** | **13,5** | 1 | **9** | 1 | **4,5** | **16** | **4** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | |  |  |

**Nếu là cuối kì thì ghi thêm:Nội dung nửa đầu học kì: 20 - 30%.Nội dung nửa học kì sau: 70 – 80%**

**Bảng 3.2. Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II, môn Công nghệ 6.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ đánh giá | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng  cao |
| *1* | **1. Trang phục và thời trang** | ***1. Các loại vải thường dùng trong may mặc*** | **Nhận biết**:   * Nhận biết 3 loại vải chính thường sử dụng trong may mặc | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được một số loại vải bằng cách vò, nhúng nước |  | 2 |  |  |
| **Vận dụng:**  - Lựa chọn vải may trang phục theo mùa. |  |  | 1 |  |
| ***2. Trang phục*** | **Nhận biết:**  - Khái niệm *trang phục và vai trò của trang phục*  - Phân loại một số trang phục theo mùa,theo lứa tuổi. | 1  1 |  |  |  |
| **Thông hiểu**:  - Sự đồng bộ của trang phục.  - Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. |  | 1  1 |  |  |
| **Vận dụng**   * Sử dụng trang phục hợp lí trong sinh hoạt | 1 |  |  |  |
| ***13. Thời trang*** | **Nhận biết**:  - Khái niệm về thời trang | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân loại thời trang theo mùa, công sở.  - Các bước lựa chọn trang phục theo thời trang. |  | 2 |  |  |
| 1 |  |  |  |
| ***1.4. Thiết kế thời trang*** | **Nhận biết:**  - Chọn màu sắc phù hợp cho trang phục đi học. | 1 | 2 |  |  |
| Thông hiểu:  - Kiểu may của trang phục phù hợp với hoạt động. | 1 |  |  |  |
| Vận dụng:  - Thiết kế được một trang phục đơn giản. | 2 |  |  |  |
| Vận dụng cao:  - Thuyết minh về ý tưởng thiết kế 2 bô trang phục (nam và nữ). |  |  |  | 1 |
|  |  |  | Tổng | 10 | 8 | 1 | 1 |